

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/ HNGĐ - ST

Ngày: 21/9/2022

"V/v: không công nhận quan hệ vợ
chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hạng Minh Thu và ông Trần Hữu Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 364/2022/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963

Nơi thường trú: Xóm Bậu, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà **Lưu Thị H**, sinh năm 1969

Nơi thường trú: Tổ 17, phường P, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi và bà Lưu Thị H cưới nhau năm 1991 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chúng tôi sinh sống tại xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 tôi đi xuất khẩu lao động. Đến năm 2012 tôi về nước, nhưng vợ chồng chung sống với nhau nảy sinh nhiều bất đồng không thể hòa hợp. Mặc dù bản thân chúng tôi

cũng cố gắng, gia đình hai bên động viên nhưng tình cảm vợ chồng không tiến triển tốt hơn. Vì vậy chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

Trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Diệu L, sinh năm 1993 và Nguyễn Hồng L, sinh năm 1996. Hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động do đó tôi không đề nghị Tòa án xem xét về con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết bị đơn là bà Lưu Thị H trình bày:

Tôi và ông T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 1991, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chúng tôi sinh sống tại xã V, huyện Đại Từ. Đến năm 2005 chồng tôi đi lao động nước ngoài đến năm 2012 mới về nước. Nhưng từ sau khi ông T về nước vợ chồng tôi sống với nhau nảy sinh nhiều bất đồng, không còn hạnh phúc. Tôi và ông T đã ly thân từ năm 2012 đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay ông T xin ly hôn tôi nhất trí.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Diệu L, sinh năm 1993 và Nguyễn Hồng L, sinh năm 1996. Hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, do đó tôi không đề nghị Tòa án xem xét về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa các đương sự đều xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung và phương án giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H; Con chung đã trưởng thành; không có tài sản chung, nợ chung do đó không đặt ra xem xét. Cần buộc ông Tân phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị H. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Các đương sự đều có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T và bà H theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án.

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống ông T và bà H sống với nhau đến năm 2005, ông T đi xuất khẩu lao động, năm 2012 ông T về nước nhưng vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau không hạnh phúc. Do đó từ năm 2012 đến nay hai bên đã sống riêng mỗi người một nơi, không còn liên quan gì về tình cảm cũng như kinh tế gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy theo hướng dẫn tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 ông T và bà H thuộc trường hợp phải đăng ký kết hôn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003. Nhưng ông T và bà H không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật. Do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà H có hai con chung là Nguyễn Diệu L, sinh năm 1993 và Nguyễn Hồng L, sinh năm 1996. Hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân. Các đương sự cũng không đề nghị xem xét giải quyết nội dung khác về con chung do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có.

[2.4] Về án phí: Trong vụ án này ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị H.

1.2. *Về con chung*: Ông T và bà H có hai con chung là Nguyễn Diệu L, sinh năm 1993 và Nguyễn Hồng L, sinh năm 1996. Hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành do đó không xem xét giải quyết.

1.3. *Tài sản chung, nợ chung*: Không có.

1.4. *Án phí*: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 00013232 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- UBND nơi đương sự cư trú;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan